

VN-Index chốt phiên đi ngang

Ngày báo cáo

28/8/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index chốt phiên đi ngang

VN-Index gần như đi ngang, tăng 0,03% (+0,6 điểm) trong phiên thứ Sáu, đóng cửa tại 1.832,1 điểm. Chỉ số đã vượt mốc 1.800 điểm trong phiên thứ Tư và tăng 3,7% (+64 điểm) trong tuần. Toàn sàn ghi nhận 145 mã tăng, 165 mã giảm và 71 mã đi ngang. Thanh khoản tăng so với phiên trước, đạt 17,4 nghìn tỷ đồng.

- Ở nhóm Bất động sản, VIC và BCM đi ngang, VHM (-1,1%), KDH (-1,1%) và NVL (-0,8%) giảm, trong khi VRE (+0,4%) tăng nhẹ.
- Các cổ phiếu ngân hàng diễn biến phân hóa, với VPB (+1,5%), LPB (+1,1%) và STB (+2,7%) tăng mạnh, TCB (-2,1%) giảm, VCB và HDB đi ngang.
- Nhóm công nghệ diễn biến tích cực, với FPT (+1,4%), CMG (+1,0%) và SGT (+6,9%) tích cực.
- Các mã tăng/giảm đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm nhóm Hàng tiêu dùng DMX (+1,1%), MWG (-1,2%) và MCH (+0,7%), nhà sản xuất cao su GVR (-1,8%), công ty công nghiệp GEX (+1,1%) và công ty dịch vụ tài chính VPX (+1,0%).

Điểm tin & Nhận định nhanh

- GAS: Cập nhật điều kiện niêm yết
- GEX: Trở thành cổ đông lớn của HAH với tỷ lệ sở hữu 5,16%
- MWG: Tổng Giám đốc DMX đăng ký bán 1,0 triệu cổ phiếu MWG; tái phân bổ sang DMX
- PLC: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa được xác định ở mức 0%
- IDC: Doanh số cho thuê đất KCN duy trì đúng kế hoạch, các dự án mới hỗ trợ đà tăng trưởng nửa cuối năm - Báo cáo gấp gờ NGT

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1.832,1	284,8	127,5
% Δ	0,0%	0,8%	0,3%
- % Δ 1 tuần	3,6%	0,2%	-0,0%
- % YTD	2,7%	13,7%	5,6%
- % YOY	9,0%	2,9%	15,3%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	666,7	44,4	12,4
- TB 1 tháng (triệu)	668,2	32,8	13,9
- TB 1 năm (triệu)	990,9	63,7	24,9
- TB QTD	673,7	37,5	15,1
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-20,8%	-16,6%	-25,6%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	82,8	1,6	0,8
- Bán (triệu)	70,5	1,4	0,1
- GT ròng (triệu)	12,3	0,2	0,7
Độ rộng TT			
Mã tăng	154	62	140
Mã giảm	163	78	167
Không đổi	113	161	548
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	339,8	18,3	51,4
P/E trượt 12T	12,5	10,4	14,3
LS cổ tức*	2,7%	5,3%	3,3%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.981,5	29.019	1.548,01
VN30F2M	1.979,0	321	2,43
VN30F1Q	1.984,9	55	0,42
VN30F2Q	1.980,6	22	0,17
VN100F1M	1.891,1	35	0,25
VN100F2M	1.880,0	0	0,00
VN100F1Q	1.882,5	10	0,07
VN100F2Q	1.877,0	5	0,04
USD/VND	26.091		

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1.84%.

Báo cáo trong ngày

- ACB: Bán lẻ & SME phục hồi, tái cơ cấu danh mục vay giúp hỗ trợ NIM - Cập nhật
- DXG: Hoạt động bàn giao tại The Privé sẽ thúc đẩy lợi nhuận tăng mạnh từ năm 2027 - Cập nhật
- DXS: Doanh thu môi giới hạ nhiệt dự kiến tạo áp lực lên lợi nhuận nửa cuối năm 2026 - Cập nhật
- KDH: Dự án Gladia và Bình Trưng Đông thúc đẩy triển vọng doanh số bán BĐS giai đoạn 2026-27 - Cập nhật
- NLG: Hoạt động mở bán và bàn giao dự kiến sẽ tăng tốc, qua đó hỗ trợ cho đà tăng trưởng của lợi nhuận - Cập nhật
- VHM: Đẩy mạnh hoạt động bán lô lớn tại các đại dự án; tiềm năng từ các dự án hạ tầng chưa được đưa vào dự báo - Cập nhật

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, VN-Index giữ tín hiệu tăng với đà tăng ổn định. Do đó, chỉ số còn khả năng hướng lên vùng mục tiêu gần 1.840-1.850 điểm trong tuần sau, trong khi hỗ trợ gần nằm tại khu vực 1.810-1.820 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

GAS: Cập nhật điều kiện niêm yết

* Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS) báo cáo về việc **không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng ngày 14/08/2026** - là ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông tham dự ĐHCĐ bất thường 2026.

* Cụ thể, công ty không đáp ứng điều kiện **tối thiểu 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ**. Tại ngày đăng ký cuối cùng, tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết do các cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ đạt **102,3 triệu cổ phiếu, tương đương chỉ 4,24%** tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

* GAS dự kiến tổ chức ĐHCĐ bất thường vào ngày 14/09/2026 để thông qua các vấn đề về nhân sự. Chúng tôi kỳ vọng **thông tin cụ thể hơn về kế hoạch thoái vốn của PVN nhằm cải thiện tỷ lệ tự do chuyển nhượng và đáp ứng điều kiện niêm yết** sẽ được công bố tại ĐHCĐ.

* Chúng tôi duy trì khuyến nghị **MUA** đối với GAS.

GEX: Trở thành cổ đông lớn của HAH với tỷ lệ sở hữu 5,16%

* CTCP Tập đoàn GELEX (GEX) công bố đã trở thành cổ đông lớn của CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HAH) sau khi nâng tỷ lệ sở hữu lên 9,7 triệu cổ phiếu, tương đương 5,16% vốn điều lệ, vào ngày 21/8/2026.

* GEX cho biết khoản đầu tư này là đầu tư tài chính ngắn hạn và công ty hiện chưa có ý định tham gia vào hoạt động điều hành của HAH. Chúng tôi ước tính giá trị khoản đầu tư của GEX tại HAH vào khoảng 470 tỷ đồng, dựa trên giá đóng cửa của HAH là 48.400 đồng/cổ phiếu vào ngày 21/8/2026. Mức định giá này tương ứng P/E 7,2 lần (thấp hơn 17% so với mức P/E trung bình 5 năm của HAH là 8,7 lần).

* HAH hiện có vốn hóa thị trường khoảng 9,2 nghìn tỷ đồng. Năm 2025, HAH ghi nhận doanh thu 5,1 nghìn tỷ đồng (+28% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 1,2 nghìn tỷ đồng (+86% YoY). Trong 6T 2026, doanh thu đạt 2,8 nghìn tỷ đồng (+15% YoY), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 672 tỷ đồng (+13% YoY).

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với GEX.

PLC: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa được xác định ở mức 0%

* Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex (PLC) công bố đã nhận được công văn chính thức từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) liên quan đến hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa (FOL). Theo đó, FOL tối đa tại PLC được xác định ở mức 0%, so với 49% trước đây.

* PLC cho biết trước mắt là hoàn tất các thủ tục công bố thông tin theo quy định, sau đó rà soát chi tiết các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký và các quy định liên quan nhằm tìm kiếm giải pháp điều chỉnh FOL phù hợp trong tương lai. PLC cho rằng các hoạt động kinh doanh của công ty không thuộc các ngành nghề nhạy cảm và mức FOL phù hợp nên cao hơn 0%.

MWG: Tổng Giám đốc DMX đăng ký bán 1,0 triệu cổ phiếu MWG; tái phân bổ sang DMX

* Ông Đoàn Văn Hiếu Em, thành viên HĐQT MWG kiêm Tổng Giám đốc DMX, đã đăng ký bán 1,0 triệu cổ phiếu MWG.

* Sở hữu trước giao dịch: 2,27 triệu cổ phiếu (0,154%).

* Sở hữu sau giao dịch (dự kiến): 1,27 triệu cổ phiếu (0,086%).

* Thời gian giao dịch: 07/09/2026-06/10/2026.

* Hồ sơ nêu rõ mục đích nhằm tái cấu trúc danh mục và đầu tư dài hạn vào cổ phiếu DMX.

IDC: Doanh số cho thuê đất KCN duy trì đúng kế hoạch, các dự án mới hỗ trợ đà tăng trưởng nửa cuối năm - Báo cáo gặp gỡ HĐQT

Chúng tôi đã tham dự buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích của Tổng Công ty IDICO (IDC) ngày 28/08 và những điểm chính được chúng tôi ghi nhận như sau:

* **Doanh số cho thuê đất KCN:** IDC ghi nhận doanh số cho thuê đất KCN đạt 43 ha trong 6T 2026 (trong đó hơn 30 ha đến từ một hợp đồng lớn tại KCN Phú Mỹ 2 mở rộng), cùng với doanh số sơ bộ thêm khoảng 11 ha trong tháng 7-tháng 8, qua đó nâng doanh số cho thuê đất KCN sơ bộ 8T 2026 của IDC lên khoảng 54 ha. Với khoảng 30 ha doanh số cho thuê đất KCN dự kiến trong quý 4/2026 từ các KCN mới bao gồm Vinh Quang và Tân Phước 1, công ty duy trì quan điểm tự tin về việc sẽ hoàn thành kế hoạch doanh số cho thuê đất KCN cả năm 2026 là 100 ha.

* **Bàn giao đất KCN:** IDC đã bàn giao khoảng 31 ha đất KCN trong 6T 2026, chủ yếu từ các hợp đồng đã ký trong năm 2025 tại các KCN Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng, Hựu Thạnh, Quế Võ 2 và Cầu Ngàn.

* Backlog chưa ghi nhận của IDC đạt khoảng 50 ha tại thời điểm cuối quý 2/2026, bao gồm khoảng 7 ha từ doanh số năm 2025 và khoảng 43 ha từ doanh số 6T 2026. Ban lãnh đạo ước tính diện tích đất KCN bàn giao cả năm 2026 đạt tối thiểu khoảng 65 ha, với Phú Mỹ 2 và Phú Mỹ 2 mở rộng dự kiến là nguồn đóng góp chính, đồng thời ban lãnh đạo cũng duy trì sự tự tin sẽ hoàn thành kế hoạch LNTT năm 2026 đã được ĐHCĐ thông qua là 2,9 nghìn tỷ đồng (nhìn chung đi ngang so với cùng kỳ).

*** Giá bán:** Giá cho thuê đất KCN trung bình của IDC tăng 3–5% trong 6T 2026 so với năm 2025. Đối với KCN Tân Phước 1, ban lãnh đạo đặt mục tiêu giá cho thuê trung bình khoảng 130–135 USD/m2 diện tích đất cho thuê, hỗ trợ biên lợi nhuận hấp dẫn.

*** Mảng nhà xưởng xây sẵn/nhà kho xây sẵn (NXXS/NKXS):** IDC dự kiến bàn giao khoảng 20.000 m2 diện tích NXXS/NKXS tại Hữu Thạnh giai đoạn 1 (1,1 ha) trong quý 3/2026. Việc xây dựng Hữu Thạnh giai đoạn 3 (18,7 ha) dự kiến khởi công trong quý 3/2026, trong khi Nhơn Trạch 1 (20 ha) được kỳ vọng sẵn sàng cho việc bàn giao đất từ tháng 12/2026.

*** Các KCN phát triển mới:**

+ KCN Tân Phước 1 (Đồng Tháp; tổng diện tích đất KCN 470 ha): Công tác giải phóng mặt bằng và tuyến đường vào dự án đã hoàn tất. Việc xây dựng hạ tầng dự kiến khởi công trong tháng 9/2026, trong khi hoạt động tìm kiếm khách hàng đã được triển khai. Ban lãnh đạo đặt mục tiêu bàn giao đầu tiên từ quý 1/2027.

+ KCN Vĩnh Quang (Hải Phòng; giai đoạn 1: diện tích đất KCN 226 ha): Công tác giải phóng mặt bằng đã hoàn tất và việc san lấp mặt bằng đang được triển khai. Hoạt động tìm kiếm khách hàng đã bắt đầu, với mục tiêu bàn giao đầu tiên từ quý 1/2027.

*** Mảng BĐS nhà ở:**

+ KĐT Hữu Thạnh (Tây Ninh, 47 ha): IDC đang thực hiện điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư liên quan đến việc phân loại sản phẩm và đặt mục tiêu hoàn tất quy trình này trong năm 2026, qua đó cho phép khởi công xây dựng từ năm 2027. Chúng tôi hiện kỳ vọng doanh số bán BĐS đầu tiên sẽ được ghi nhận trong năm 2027 và bàn giao từ cuối năm 2027.

+ Dự án Phường 6 (Long An cũ): IDC đang thực hiện gia hạn thời hạn sử dụng đất cần thiết để bàn giao khoảng 0,7 ha backlog chưa ghi nhận còn lại cho AEON, với mục tiêu hoàn tất trong quý 4/2026–quý 1/2027.

+ Dự án BĐS nhà ở Bắc Châu Giang (Osaka Garden, Ninh Bình): dự kiến mở bán trong quý 1/2027; phân khu cao tầng đang trong giai đoạn nghiên cứu khả thi và dự kiến khởi công từ cuối năm 2027.

*** Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo doanh số cho thuê đất KCN năm 2026 là 100 ha (+31% YoY) và dự báo LNST sau lợi ích CĐT năm 2026 là 2,0 nghìn tỷ đồng (+3% YoY),** trước khi chúng tôi thực hiện đánh giá đầy đủ hơn. Quan điểm của chúng tôi được hỗ trợ bởi backlog chưa ghi nhận khoảng 50 ha tại thời điểm cuối quý 2/2026, cùng với kỳ vọng doanh số cho thuê đất KCN tiếp tục được ghi nhận trong nửa cuối năm, với đóng góp từ các KCN mới Vĩnh Quang và Tân Phước 1 bắt đầu từ cuối năm 2026. Tham khảo thêm [Báo cáo Cập nhật IDC](#) của chúng tôi công bố ngày 13/08. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

ACB: Bán lẻ & SME phục hồi, tái cơ cấu danh mục vay giúp hỗ trợ NIM - Cập nhật

Ngành	Ngân hàng		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	28/08/2026	TT LN trước dự phòng	1,2%	13,5%	18,1%	12,4%
Giá hiện tại	22.650 VND	TT LNST	-6,9%	14,7%	14,7%	15,0%
Giá mục tiêu	28.000 VND	TT EPS	-17,7%	14,7%	14,7%	15,0%
Giá mục tiêu gần nhất	27.100 VND	NIM	2,90%	2,95%	3,05%	3,10%
TL tăng	+23,6%	TL nợ xấu	0,97%	1,00%	1,10%	1,10%
Lợi suất cổ tức	3,1%	TL chi phí/thu nhập	32,3%	30,8%	31,2%	33,1%
Tổng mức sinh lời	+26,7%	P/B	1,4x	1,2x	1,1x	0,9x
		P/E	8,5x	7,4x	6,4x	5,6x
GT vốn hóa	126,2 nghìn tỷ đồng			ACB	Peers	VNI
Room KN	8 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		8,4x	7,4x	13,8x
GTGD/ngày (30n)	313 tỷ đồng	P/B (ht)		1,3x	1,3x	2,0x
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROA		1,7%	1,7%	2,4%
SL cổ phiếu lưu hành	5,8 tỷ	ROE		17,7%	17,0%	16,2%
Pha loãng	5,8 tỷ					

- * Chúng tôi tăng giá mục tiêu thêm 3,3% lên 28.000 đồng/cổ phiếu và duy trì khuyến nghị MUA đối với Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB). Giá mục tiêu cao hơn của chúng tôi chủ yếu đến từ (1) mức tăng 1,2% trong tổng dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS giai đoạn 2026-2030 và (2) chi phí vốn chủ sở hữu (COE) giảm do giả định beta cập nhật thấp hơn, một phần bù đắp cho giả định tỷ lệ phi rủi ro cao hơn của chúng tôi.
- * Chúng tôi tiếp tục đánh giá tích cực ACB nhờ (1) chất lượng tài sản thuộc nhóm dẫn đầu trong các ngân hàng tư nhân và (2) nền tảng huy động vốn vững chắc. Mặc dù vẫn còn những yếu tố chưa chắc chắn liên quan đến quá trình chuyển đổi của ngân hàng, chúng tôi cho rằng ACB đang đi đúng hướng về mặt chiến lược. Năng lực thực thi của ban lãnh đạo sẽ là yếu tố then chốt cần theo dõi trong thời gian tới.
- * ACB đang giao dịch ở mức P/B dự phóng năm 2026 là 1,2 lần với ROE năm 2026 đạt 17,7%, so với mức trung vị của các ngân hàng cùng ngành lần lượt là 1,2 lần và 17,0%.
- * **Yếu tố hỗ trợ:** Tăng trưởng tín dụng cao hơn kỳ vọng nhờ khả năng được cấp thêm hạn mức tín dụng.
- * **Rủi ro:** NIM thấp hơn kỳ vọng do môi trường thanh khoản thắt chặt hơn.

DXG: Hoạt động bàn giao tại The Privé sẽ thúc đẩy lợi nhuận tăng mạnh từ năm 2027
- Cập nhật

Ngành	BDS		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	28/08/2026	TT Doanh thu	-12,6%	-9,5%	160,6%	56,8%
Giá hiện tại	12.100 VND	TT EPS	-31,7%	-5,1%	733,8%	97,5%
Giá mục tiêu	14.600 VND	LNST-CĐTTS (tỷ đồng)	231	219	1.825	3.605
Giá mục tiêu gần nhất	17.000 VND	Biên LN gộp	54,6%	49,6%	54,4%	56,7%
TL tăng	+20,7%	Biên LN ròng	5,5%	5,8%	18,5%	23,3%
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/E	67,9x	71,5x	8,6x	4,3x
Tổng mức sinh lời	+20,7%	P/B	1,1x	1,1x	0,9x	0,8x
GT vốn hóa	15,3 nghìn tỷ đồng			DXG	Peers	VNI
Room KN	4,9 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		83,4x	18,9x	13,8x
GTGD/ngày (30n)	128,9 tỷ đồng	P/B (ht)		1,1x	0,9x	2,0x
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE		1,4%	7,7%	16,2%
SL cổ phiếu lưu hành	1,3 tỷ	ROA		0,5%	2,8%	2,4%
Pha loãng	1,3 tỷ					

- * Chúng tôi tiếp tục duy trì khuyến nghị MUA đối với CTCP Bluemarq Group (DXG), nhưng cũng đồng thời giảm 14% giá mục tiêu của cổ phiếu này xuống mức 14.600 đồng/cổ phiếu.
- * Sự sụt giảm của giá mục tiêu chủ yếu phản ánh: (1) mức giảm 25% đối với định giá mảng môi giới (xem Báo cáo Cập nhật DXS ngày 28/08 của chúng tôi); (2) việc chúng tôi điều chỉnh tiến độ doanh số bán BDS tại The Privé sang giai đoạn 2026-28 (so với dự báo trước đây là giai đoạn 2026-27), và lùi thời điểm mở bán dự kiến của Opal Luxury từ năm 2028 sang 2030; (3) mức tăng 70 điểm cơ bản của WACC; (4) việc chúng tôi chuyển phương pháp định giá từ 100% RNAV sang kết hợp 50:50 giữa RNAV và P/B mục tiêu; cùng với (5) mức tăng của số dư nợ vay ròng tại cuối quý 2/2026.
- * Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026 của công ty sẽ đạt 219 tỷ đồng (-5% YoY), chủ yếu nhờ hoạt động bàn giao backlog chưa ghi nhận doanh thu tại Gem Sky World (GSW), phần đóng góp từ mảng môi giới và mức tăng YoY của thu nhập tài chính. Đối với năm 2027, chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS sẽ tăng 8 lần lên mức 1,8 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ việc bắt đầu bàn giao The Privé theo kế hoạch và phần đóng góp cao hơn từ dự án GSW. Chúng tôi cũng điều chỉnh giảm lần lượt 8%/3% dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS các năm 2026/27, chủ yếu do mức giảm của chúng tôi đối với dự báo doanh thu mảng môi giới.

* Chúng tôi dự báo doanh số bán BĐS của DXG sẽ lần lượt đạt 8,0/7,3/9,0 nghìn tỷ đồng trong các năm 2026/27/28. Trong năm 2026, việc ghi nhận doanh số bán BĐS dự kiến sẽ chủ yếu đến từ dự án The Privé (với doanh số bán từ đầu năm đến nay đã đạt khoảng 4,7 nghìn tỷ đồng). Sang năm 2027, chúng tôi kỳ vọng các đóng góp chính sẽ yếu đến từ việc tiếp tục ghi nhận thêm doanh số bán tại The Privé, cùng với việc mở bán lại GSW và mở bán dự án Ngọc Khánh (~1 ha, TP.HCM – Bình Dương cũ). Trong năm 2028, doanh số bán BĐS của công ty dự kiến sẽ chủ yếu đến từ việc hoàn tất bán The Privé, tiếp tục bán GSW và Ngọc Khánh, cùng với việc mở bán Opal Cityview (~1 ha, TP.HCM – Bình Dương cũ).

* DXG hiện sở hữu mức định giá tương đối hấp dẫn, với P/B dự phóng các năm 2026/27 lần lượt ở mức 1,1 lần và 0,9 lần (thấp hơn khoảng 21% và 30% so với P/B trung bình 5 năm của công ty là 1,34 lần), trong bối cảnh triển vọng lợi nhuận các năm 2027–28 của công ty tương đối rõ nét.

* Rủi ro: Tiến độ mở bán các dự án mới diễn ra chậm hơn kỳ vọng.

DXS: Doanh thu môi giới hạ nhiệt dự kiến tạo áp lực lên lợi nhuận nửa cuối năm 2026 - Cập nhật

Ngành	BDS		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	28/08/2026	TT Doanh thu	62,7%	-10,9%	9,7%	12,7%
Giá hiện tại	6.070 VND	TT EPS	149,9%	-31,6%	60,0%	31,5%
Giá mục tiêu	6.600 VND	LNST-CĐTS (tỷ đồng)	352	240	385	506
Giá mục tiêu gần nhất	8.800 VND	Biên LN gộp	43,2%	42,6%	44,5%	46,7%
TL tăng	+8,7%	Biên LN ròng	8,9%	6,8%	9,9%	11,6%
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/E	10,3x	15,1x	9,4x	7,2x
Tổng mức sinh lời	+8,7%	P/B	0,6x	0,5x	0,5x	0,5x
GT vốn hóa	3,5 nghìn tỷ đồng			<u>DXS</u>	<u>Peers</u>	<u>VNI</u>
Room KN	1,5 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		14,6x	19,8x	13,8x
GTGD/ngày (30n)	12,4 nghìn tỷ đồng	P/B (hiện tại)		0,5x	1,3x	2,0x
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE		3,9%	8,6%	16,2%
SL cổ phiếu lưu hành	579,1 tr	ROA		1,6%	3,8%	2,4%
Pha loãng	579,1 tr					

* Chúng tôi điều chỉnh giảm 25% giá mục tiêu xuống 6.600 đồng/cổ phiếu và hạ khuyến nghị từ KHẢ QUAN xuống PHỦ HỢP THỊ TRƯỜNG đối với CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (DXS).

* Giá mục tiêu thấp hơn phản ánh (1) mức giảm 30% trong định giá theo phương pháp hệ số P/E, sau khi chúng tôi điều chỉnh giảm 30% dự báo EPS trung bình giai đoạn 2026-27; và (2) mức giảm 20% trong định giá theo phương pháp CKDT, sau khi chúng tôi điều chỉnh giảm 18% dự báo tổng LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2026-30 cùng với chiết khấu WACC cao hơn do tăng giả định lãi suất phi rủi ro từ 6,0% lên 7,0%.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 đạt 240 tỷ đồng (-32% YoY), tương ứng với LNST sau lợi ích CĐTS nửa cuối năm 2026 đạt 88 tỷ đồng (-8% YoY), do chúng tôi kỳ vọng doanh thu môi giới sẽ hạ nhiệt trong nửa cuối năm 2026 so với mức nền của cả nửa cuối năm 2025 và nửa đầu năm 2026, trong bối cảnh mặt bằng lãi suất ở mức cao.

* Chúng tôi dự phóng LNST sau lợi ích CĐTS năm 2027 đạt 385 tỷ đồng (+60% so với năm 2026), chủ yếu phản ánh kỳ vọng của chúng tôi về sự phục hồi của doanh thu môi giới từ mức nền thấp của năm 2026 và biên lợi nhuận môi giới ổn định hơn.

* Chúng tôi điều chỉnh giảm dự báo LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2026/27 lần lượt 41%/22%, qua đó phản ánh KQKD quý 2/2026 thấp hơn kỳ vọng. Doanh thu quý 2/2026 suy giảm do hoạt động môi giới kém tích cực hơn dự kiến, trong khi lợi nhuận tiếp tục chịu áp lực từ các khoản trích lập dự phòng tại một số công ty con.

* Yếu tố hỗ trợ: Hoạt động giao dịch BĐS phục hồi nhanh hơn kỳ vọng.

KDH: Dự án Gladia và Bình Trưng Đông thúc đẩy triển vọng doanh số bán BĐS giai đoạn 2026-27 - Cập nhật

Ngành	BDS		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	28/08/2026	TT Doanh thu	41,9%	-81,1%	566,3%	48,2%
Giá hiện tại	18.200 VND	TT EPS	19,0%	45,0%	-10,1%	92,9%
Giá mục tiêu	31.700 VND	LNST-CĐTS (tỷ đồng)	1.045	1.531	1.376	2.654
Giá mục tiêu gần nhất	42.600 VND	Biên LN gộp	59,2%	56,0%	40,7%	47,3%
TL tăng	+74,2%	Biên LN ròng	22,5%	173,7%	23,4%	30,5%
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/E	20,6x	14,2x	15,8x	8,2x
Tổng mức sinh lời	+74,2%	P/B	1,1x	1,1x	1,0x	0,9x
GT vốn hóa	20,4 nghìn tỷ đồng			<u>KDH</u>	<u>Peers</u>	<u>VNI</u>
Room KN	5,2 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		12,4x	17,3x	13,9x
GTGD/ngày (30n)	97,3 tỷ đồng	P/B (ht)		1,1x	1,0x	2,0x
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE		9,7%	5,2%	16,2%
SL cổ phiếu lưu hành	1,1 tỷ	ROA		6,8%	2,3%	2,4%
Pha loãng	1,1 tỷ					

* Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH) nhưng điều chỉnh giảm 26% giá mục tiêu xuống mức 31.700 đồng/cổ phiếu.

* Giá mục tiêu thấp hơn của chúng tôi chủ yếu do (1) giả định chi phí xây dựng cao hơn, (2) việc tăng 1,0 điểm % trong giả định WACC, (3) số dư nợ vay ròng cao hơn tại thời điểm cuối quý 2/2026, (4) thay đổi phương pháp định giá từ 100% RNAV sang kết hợp giữa RNAV và P/B mục tiêu theo tỷ lệ 50:50, và (5) thời gian dự báo mở bán dự án Tân Tạo A dài hơn. Các yếu tố này được bù đắp một phần bởi (6) việc đưa kế hoạch đầu tư dự án BT vào mô hình định giá.

* Đối với năm 2026, chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+46% YoY), nhờ việc tiếp tục bàn giao các sản phẩm thấp tầng tại Gladia dự kiến sẽ hỗ trợ lợi nhuận trong nửa cuối năm 2026.

* Đối với năm 2027, chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS đạt 1,4 nghìn tỷ đồng (-10% so với dự báo năm 2026), được hỗ trợ bởi hoạt động bán và bàn giao các sản phẩm thấp tầng tại Gladia, cùng với việc bắt đầu bàn giao phân khu cao tầng của Gladia sau đợt mở bán vào tháng 8/2026.

* Chúng tôi điều chỉnh giảm 5% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026, chủ yếu do doanh thu ghi nhận dự kiến từ sản phẩm thấp tầng tại Gladia thấp hơn, được bù đắp một phần nhờ ghi nhận khoản lãi bất thường trong quý 2/2026. Chúng tôi điều chỉnh giảm 38% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2027, do kỳ vọng dự án Bình Trưng Đông sẽ bắt đầu ghi nhận bàn giao từ năm 2028 thay vì năm 2027 như dự báo trước đây, sau khi công ty cập nhật kế hoạch sẽ mở bán phân khu căn hộ trước phân khu thấp tầng.

* Chúng tôi kỳ vọng doanh số bán BĐS nhà ở sẽ tăng trưởng 10%/26% YoY trong các năm 2026/27. Phân khu cao tầng dự án Gladia mới mở bán gần đây dự kiến sẽ hoàn tất bán hàng vào cuối năm 2026, trong khi kế hoạch mở bán dự án Bình Trưng Đông và việc tiếp tục bán các sản phẩm thấp tầng của Gladia sẽ hỗ trợ doanh số bán BĐS năm 2027.

* KDH hiện đang giao dịch ở mức P/B dự phóng các năm 2026/27 lần lượt là 1,1 lần/1,0 lần, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 5 năm là 2,1 lần.

* Rủi ro đối với quan điểm tích cực của chúng tôi: Tiến độ mở bán các dự án mới chậm hơn kỳ vọng; bối cảnh vĩ mô khó khăn kéo dài có thể tiếp tục gây áp lực lên thanh khoản/lãi suất.

NLG: Hoạt động mở bán và bàn giao dự kiến sẽ tăng tốc, qua đó hỗ trợ cho đà tăng trưởng của lợi nhuận - Cập nhật

Ngành	BDS		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	28/08/2026	TT Doanh thu	-21,6%	-5,2%	22,7%	6,3%
Giá hiện tại	24.300 VND	TT EPS	33,6%	-19,7%	28,6%	9,5%
Giá mục tiêu	36.800 VND	LNST-CĐTS (tỷ đồng)	701	697	896	981
Giá mục tiêu gần nhất	45.800 VND	Biên LN gộp	41,8%	38,6%	38,8%	36,8%
TL tăng	+51,4%	Biên LN ròng	12,4%	13,0%	13,7%	14,1%
Lợi suất cổ tức	2,1%	P/E	14,1x	17,6x	13,7x	12,5x
Tổng mức sinh lời	+53,5%	P/B	0,9x	0,9x	0,9x	0,8x
GT vốn hóa	11,8 nghìn tỷ đồng			<u>NLG</u>	<u>Peers</u>	<u>VNI</u>
Room KN	1,4 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		16,7x	20,0x	13,9x
GTGD/ngày (30n)	63,1 tỷ đồng	P/B (ht)		0,9x	1,1x	2,0x
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE		5,6%	7,6%	16,2%
SL cổ phiếu lưu hành	485,1 tr	ROA		3,4%	2,7%	2,4%
Pha loãng	485,1 tr					

* Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA cho CTCP Đầu tư Nam Long (NLG), tuy nhiên giảm 20% giá mục tiêu xuống còn 36.800 đồng/cổ phiếu.

* Mức giá mục tiêu thấp hơn của chúng tôi chủ yếu phản ánh: (1) mức tăng đối với giả định chi phí xây dựng; (2) mức giảm 21% đối với dự báo tổng doanh số bán BDS giai đoạn 2026–28; (3) mức tăng 1,0 điểm % đối với giả định WACC; cùng với (4) việc thay đổi phương pháp định giá từ 100% RNAV sang kết hợp 50:50 giữa RNAV và P/B mục tiêu.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 sẽ đạt 697 tỷ đồng (-1% YoY), trong đó việc ghi nhận lợi nhuận từ hoạt động bán BDS dự kiến sẽ tăng tốc trong quý 4/2026, nhờ bắt đầu bàn giao các phân khu mới tại Izumi City, Mizuki Park và Sol Garden, cùng với việc tiếp tục bàn giao tại Southgate và Cần Thơ. Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi (loại trừ khoản lãi bất thường từ việc bán cổ phần Izumi City trong năm 2025 và chuyển nhượng lô đất giáo dục trong quý 1/2026) sẽ tăng mạnh 122% YoY trong năm 2026.

* Chúng tôi lần lượt điều chỉnh giảm 2%/7%/25% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026/27/28 của chúng tôi, chủ yếu do mức giảm đối với giả định biên lợi nhuận gộp (do chi phí xây dựng tăng) và dự báo bàn giao năm 2028 của chúng tôi, sau khi hạ dự báo doanh số bán BDS giai đoạn 2026–27.

* Chúng tôi dự báo doanh số bán BDS năm 2026 sẽ đạt 11,7 nghìn tỷ đồng (-2% YoY), trong đó doanh số bán BDS nửa cuối năm 2026 dự kiến sẽ tăng 29% so với kết quả nửa đầu năm 2026 (6T 2026), nhưng thấp hơn 22% so với cùng kỳ năm trước. Chúng tôi kỳ vọng hoạt động mở bán sẽ sôi động hơn về cuối năm 2026, bao gồm các phân khu mới tại Mizuki Park, Southgate và Izumi City. Theo đó, chúng tôi điều chỉnh giảm lần lượt 19%/23%/21% dự báo doanh số bán BDS các năm 2026/27/28 của chúng tôi.

* NLG hiện đang giao dịch tại P/B dự phóng năm 2026/27 ở mức 0,9/0,9 lần, thấp hơn đáng kể so với mức P/B trung bình 5 năm của công ty là 1,5 lần.

* Rủi ro: Tiến độ mở bán tại các dự án trọng điểm diễn ra chậm hơn kỳ vọng; tâm lý người mua nhà cần trọng trong thời gian dài.

VHM: Đẩy mạnh hoạt động bán lô lớn tại các đại dự án; tiềm năng từ các dự án hạ tầng chưa được đưa vào dự báo - Cập nhật

Ngành	BDS		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	28/08/2026	TT Doanh thu báo cáo	49,8%	30,2%	3,4%	11,0%
Giá hiện tại	73.000 VND	TT EPS	38,8%	43,0%	0,8%	-2,8%
Giá mục tiêu	74.000 VND	LNST-CĐTS (tỷ đồng)	41.895	59.928	60.398	58.687
Giá mục tiêu gần nhất	76.900 VND	Biên LN gộp	30,2%	44,5%	44,7%	46,0%
TL tăng	+1,4%	Biên LN ròng	27,3%	30,0%	29,3%	25,6%
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/E	14,3x	10,0x	9,9x	10,2x
Tổng mức sinh lời	+1,4%	P/B	2,5x	2,2x	1,8x	1,5x
GT vốn hóa	599,6 nghìn tỷ đồng		<u>VHM</u>	<u>VNI</u>		
Room KN	257,7 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)	7,5x	13,9x		
GTGD/ngày (30n)	865,3 tỷ đồng	P/B (ht)	2,3x	2,0x		
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE	33,8%	16,2%		
SL cổ phiếu lưu hành [^]	8,2 tỷ	ROA	9,6%	2,4%		
Pha loãng	8,2 tỷ	[^] Đã điều chỉnh cho đợt chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 100% của năm tài chính 2025				

* Chúng tôi duy trì khuyến nghị PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG đối với CTCP Vinhomes (VHM) và điều chỉnh giảm 4% giá mục tiêu xuống 74.000 đồng/cổ phiếu. Giá mục tiêu thấp hơn của chúng tôi chủ yếu phản ánh (1) số dư nợ vay ròng cao hơn tại thời điểm cuối quý 2/2026 và (2) mức tăng 0,8 điểm % trong giả định WACC, một phần được bù đắp bởi (3) mức tăng 10% trong tổng dự báo doanh số bán BĐS giai đoạn 2026-2028 so với Báo cáo cập nhật trước đây của chúng tôi, chủ yếu được thúc đẩy bởi dự báo doanh số bán BĐS cao hơn của dự án Global Sportia.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 đạt 59,9 nghìn tỷ đồng (+43% YoY), với lợi nhuận nửa cuối năm 2026 được thúc đẩy bởi việc ghi nhận giá trị hợp đồng chưa ghi nhận (196,8 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối quý 2/2026; trong đó bán lô lớn chiếm khoảng 42%), cùng với hoạt động bàn giao bán lẻ tiếp diễn.

* Chúng tôi điều chỉnh tăng 9% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026, chủ yếu phản ánh mức ghi nhận cao hơn dự kiến tại dự án Green Paradise trong 6T 2026, đồng thời điều chỉnh tăng 7% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2027 nhờ chúng tôi nâng kỳ vọng về sự đóng góp từ dự án Global Sportia cao hơn.

* Chúng tôi dự báo doanh số bán BĐS năm 2026 của VHM sẽ tăng 42% YoY lên 291 nghìn tỷ đồng (nhìn chung giữ nguyên so với dự báo trước đây của chúng tôi), với doanh số nửa cuối năm 2026 được hỗ trợ bởi việc tiếp tục bán hàng tại các dự án đã mở bán trong giai đoạn 2025-6T 2026 (chủ yếu là Green Paradise, Global Gate Hạ Long, Saigon Park) cùng với giả định của chúng tôi về việc dự án Global Sportia bắt đầu hoạt động kinh doanh (so với năm 2027 trong dự báo trước đây). Chúng tôi dự báo doanh số bán BĐS năm 2027 đạt 343 nghìn tỷ đồng (+18% so với năm 2026; cao hơn 17% so với dự báo trước đây của chúng tôi).

* Yếu tố hỗ trợ/Rủi ro: Tiến độ doanh số bán BĐS tại các dự án trọng điểm cao hơn hoặc thấp hơn kỳ vọng; lợi ích kinh tế từ các dự án hạ tầng cao hơn hoặc thấp hơn so với các cam kết tài chính.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2025	P/E 2026	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	48	0,0	8.200	25.500	211%	0,0%	211%	KQ	17/01/25	23,2	5,5	11,5	0,8
KDH	Bất động sản	26%	782	3,7	18.200	42.600	134%	0,0%	134%	MUA	11/05/26	20,6	13,5	17,4	1,1
MWG	Bán lẻ	0%	4.238	13,9	75.000	140.000	87%	5,6%	92%	MUA	17/08/26	15,6	9,3	10,7	3,1
NLG	Bất động sản	12%	451	2,5	24.300	45.800	88%	2,1%	91%	MUA	11/05/26	14,1	17,3	17,4	0,9
HDC	Bất động sản	48%	106	0,6	12.100	21.400	77%	0,0%	77%	KQ	09/01/26	4,3	8,9	17,4	1,0
DCM	Phân bón	44%	625	2,7	30.850	51.000	65%	8,1%	73%	MUA	25/05/26	9,1	5,6	11,5	1,4
HDG	Điện & Nước	34%	259	0,7	16.650	28.700	72%	0,0%	72%	MUA	16/07/26	9,9	12,5	17,4	1,0
VGC	KCN	48%	694	0,7	40.450	66.800	65%	5,4%	71%	MUA	11/05/26	13,6	11,4	13,3	2,2
BMI	Bảo hiểm	24%	81	0,0	14.000	23.100	65%	3,6%	69%	MUA	12/04/24	9,3	5,6	15,3	0,7
PTB	Công nghiệp	10%	125	0,1	32.400	52.000	60%	6,5%	67%	KQ	06/10/25	4,3	5,6	12,9	0,9
DPG	Điện & Nước	30%	135	0,5	29.650	48.900	65%	2,0%	67%	MUA	11/06/26	9,1	9,6	13,3	1,2
IDC	KCN	34%	520	1,4	32.500	51.200	58%	9,2%	67%	MUA	13/08/26	7,1	6,9	17,4	2,0
PLC	Dầu khí	-0%	62	0,1	20.100	31.900	59%	5,0%	64%	MUA	12/09/25	119,6	6,4	11,5	1,1
HVN	Hàng không	21%	2.734	0,7	22.950	37.100	62%	0,0%	62%	KQ	22/07/25	9,8	8,3	19,1	7,5
CTG	Ngân hàng	5%	9.502	10,3	31.950	50.000	56%	0,0%	56%	MUA	15/05/26	8,2	7,0	11,8	1,3
GEX	Điện & Nước	44%	1.325	14,3	26.450	40.500	53%	1,9%	55%	MUA	06/07/26	23,6	23,4	11,0	1,8
MBB	Ngân hàng	1%	8.116	11,2	21.050	31.300	49%	2,4%	51%	MUA	21/05/26	7,3	6,1	11,8	1,4
HPG	VLXD	27%	7.145	19,7	22.100	32.700	48%	2,7%	51%	MUA	18/08/26	12,3	7,6	12,9	1,3
PVS	Dầu khí	33%	776	3,5	39.600	58.800	48%	0,0%	48%	MUA	10/08/26	13,8	11,4	13,0	1,3
NT2	Điện & Nước	39%	231	0,6	20.950	29.000	38%	9,5%	48%	MUA	10/08/26	5,6	6,0	11,7	1,2
ACG	Gỗ	12%	187	0,0	32.300	45.800	42%	5,3%	47%	MUA	15/07/25	10,2	8,1	12,9	1,1
F88	Tài chính TT	43%	587	0,6	66.800	98.000	47%	0,0%	47%	MUA	25/06/26	20,5	12,6	17,9	5,1
MSN	Bán lẻ	76%	3.926	11,7	70.200	101.200	44%	0,0%	44%	MUA	21/05/25	24,7	23,9	11,0	2,6
NVL	Bất động sản	45%	1.200	9,5	13.050	18.600	43%	0,0%	43%	MUA	18/06/26	16,2	21,1	17,4	0,7
QTP	Điện & Nước	-1%	191	0,1	11.100	14.600	32%	9,0%	41%	MUA	10/12/25	4,9	7,6	11,7	0,8
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.240	1,7	45.600	59.000	29%	11,0%	40%	MUA	06/01/26	13,6	13,0	12,0	3,0
VPB	Ngân hàng	7%	8.446	16,2	27.800	38.000	37%	1,8%	38%	MUA	18/05/26	9,2	7,1	11,8	1,2

BID	Ngân hàng	13%	10.976	5,9	36.850	50.500	37%	0,0%	37%	MUA	21/05/26	9,7	9,0	11,8	1,5
PHR	Công nghiệp	-11%	320	0,9	61.700	82.700	34%	2,1%	36%	MUA	15/07/26	19,0	5,3	11,5	1,8
POW	Điện & Nước	46%	1.539	6,5	13.100	17.800	36%	0,0%	36%	MUA	17/08/26	16,8	8,4	11,7	1,0
REE	Điện & Nước	0%	1.087	0,8	45.550	60.800	33%	2,2%	36%	MUA	20/08/26	11,2	10,0	11,0	1,3
VTP	GTVT	45%	414	1,9	53.500	71.800	34%	0,0%	34%	PHTT	25/05/26	22,3	26,7	11,0	4,7
DPM	Phân bón	47%	573	2,1	22.000	28.000	27%	6,8%	34%	PHTT	25/05/26	16,8	9,2	11,5	1,3
BVH	Bảo hiểm	22%	1.819	1,2	64.000	83.600	31%	1,6%	32%	MUA	11/06/26	17,1	11,7	15,3	1,8
MCH	Bán lẻ	84%	7.159	3,6	143.000	181.700	27%	4,2%	31%	PHTT	28/11/25	27,7	24,2	12,0	10,0
VRE	Bất động sản	38%	2.271	5,9	26.100	34.200	31%	0,0%	31%	PHTT	29/05/26	9,2	10,7	17,4	1,2
VCB	Ngân hàng	10%	19.229	11,6	60.100	78.500	31%	0,0%	31%	MUA	18/05/26	15,5	13,0	11,8	2,0
TCB	Ngân hàng	2%	9.063	23,3	33.400	42.600	28%	3,0%	31%	MUA	12/08/26	9,4	8,1	11,8	1,3
SZC	KCN	19%	136	0,4	19.700	24.700	25%	5,1%	30%	KQ	01/07/26	11,2	27,1	17,4	1,1
TPB	Ngân hàng	8%	1.556	4,5	14.650	18.600	27%	3,4%	30%	MUA	20/05/26	5,5	5,2	11,8	0,9
KBC	KCN	42%	988	2,4	27.400	34.600	26%	3,6%	30%	MUA	20/08/26	12,3	12,9	17,4	1,0
PVT	Dầu khí	35%	400	3,1	20.200	25.200	25%	5,0%	30%	MUA	13/08/26	9,6	6,7	11,0	1,1
PPC	Điện & Nước	45%	110	0,0	8.920	11.000	23%	5,6%	29%	KQ	10/12/25	17,6	8,8	11,7	0,6
CTR	CNTT	43%	378	1,1	77.000	96.800	26%	1,9%	28%	KQ	14/04/26	14,7	12,6	13,3	4,4
SCS	DV Hàng không	22%	163	0,2	44.450	51.200	15%	12,4%	28%	PHTT	13/01/26	5,6	6,0	19,1	2,8
AST	DV Hàng không	3%	136	0,0	66.000	80.600	22%	5,3%	27%	MUA	26/08/25	11,9	11,5	10,7	5,0
TV2	Điện & Nước	8%	69	0,1	26.850	33.000	23%	3,7%	27%	KQ	13/07/26	30,5	20,8	11,0	1,4
FPT	CNTT	21%	4.805	20,1	73.200	90.300	23%	3,1%	27%	MUA	08/06/26	14,1	12,4	14,6	3,2
SSI	Chứng khoán	70%	2.454	21,5	21.350	25.800	21%	4,7%	26%	MUA	16/07/26	12,5	13,7	17,9	1,6
SIP	KCN	47%	458	0,2	49.450	58.900	19%	6,1%	25%	MUA	20/07/26	9,7	9,7	17,4	2,5
TLG	Văn phòng phẩm	90%	195	0,3	52.800	61.900	17%	6,6%	24%	MUA	12/09/25	11,3	8,6	7,7	2,0
DGC	Công nghiệp	45%	625	0,9	43.000	52.100	21%	2,3%	23%	KQ	20/07/26	5,7	8,6	11,5	1,0
FRT	Bán lẻ	16%	999	4,8	145.900	180.100	23%	0,0%	23%	MUA	17/06/26	31,3	21,7	10,7	5,4
BMP	VLXD	18%	454	0,5	144.800	163.000	13%	10,7%	23%	MUA	17/06/26	9,7	9,2	13,3	4,2
GMD	GTVT	10%	1.318	6,1	79.500	95.800	21%	2,8%	23%	MUA	24/08/26	21,5	11,8	11,0	2,5
ACB	Ngân hàng	6%	5.034	8,6	22.650	27.100	20%	3,1%	23%	MUA	21/05/26	7,5	6,6	11,8	1,3
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	667	0,3	47.300	53.400	13%	8,5%	21%	KQ	30/08/24	9,0	6,8	12,0	1,6

DXG	Bất động sản	32%	588	4,7	12.100	14.600	21%	0,0%	21%	MUA	28/08/26	68,0	71,6	17,4	1,1
HDB	Ngân hàng	5%	5.328	17,1	27.800	33.000	19%	1,8%	21%	MUA	06/03/26	7,7	6,6	11,8	1,6
BWE	Điện & Nước	47%	407	0,3	42.300	49.600	17%	3,1%	20%	KQ	14/08/26	10,9	11,1	11,7	1,8
NKG	VLXD	45%	206	0,7	10.950	13.100	20%	0,0%	20%	PHTT	18/04/25	24,9	8,5	12,9	0,7
PC1	Điện & Nước	42%	326	1,4	20.700	24.700	19%	0,0%	19%	KQ	21/07/26	9,2	14,0	13,3	1,3
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	50%	4.986	11,3	62.300	70.300	13%	6,4%	19%	MUA	24/04/25	13,8	14,8	12,0	4,1
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	82%	418	0,7	52.100	58.600	12%	5,8%	18%	KQ	30/07/26	8,2	7,7	12,0	1,2
PLX	Xăng dầu	6%	1.764	4,9	36.250	41.100	13%	3,3%	17%	MUA	13/10/25	18,8	15,7	13,0	1,8
PNJ	Bán lẻ	4%	825	10,3	42.100	46.500	10%	4,8%	15%	PHTT	12/07/26	8,2	7,4	7,7	1,6
PVD	Dầu khí	41%	680	6,9	19.150	22.000	15%	0,0%	15%	KQ	21/08/26	11,8	19,4	13,0	1,0
ACV	Hàng không	47%	5.797	0,8	42.300	48.000	13%	0,0%	13%	PHTT	18/05/26	13,5	13,4	11,0	2,0
BSR	Lọc hóa dầu	48%	5.100	9,5	26.600	29.250	10%	2,6%	13%	MUA	07/08/26	25,7	6,6	13,0	1,8
DHC	Công nghiệp	15%	150	0,6	36.900	40.100	9%	3,5%	12%	MUA	16/12/25	9,1	8,8	12,9	1,6
VIB	Ngân hàng	2%	1.949	6,6	14.950	16.100	8%	3,3%	11%	KQ	18/08/26	7,0	6,0	11,8	1,1
GAS	Dầu khí	47%	7.780	4,8	84.200	90.000	7%	3,6%	10%	MUA	29/07/26	18,7	15,9	11,7	3,0
DGW	Bán lẻ	24%	357	2,2	42.200	45.400	8%	2,4%	10%	KQ	18/06/26	17,0	14,5	10,7	2,5
DXS	Bất động sản	43%	135	0,5	6.070	6.600	9%	0,0%	9%	PHTT	28/08/26	10,3	15,1	17,4	0,5
VHM	Bất động sản	43%	22.963	33,2	73.000	76.900	5%	0,0%	5%	PHTT	29/05/26	14,3	10,9	17,4	2,3
VEA	Ô-tô	48%	1.792	0,8	35.200	30.800	-13%	13,7%	1%	PHTT	28/10/25	6,4	6,6	11,0	2,0
GVR	Công nghiệp	-1%	4.955	3,0	32.350	32.100	-1%	1,2%	0%	PHTT	20/07/26	24,3	18,9	11,5	2,1
HSG	VLXD	46%	337	0,8	10.900	10.400	-5%	4,6%	0%	PHTT	18/04/25	14,0	15,0	12,9	0,7
TDM	Điện & Nước	49%	278	0,9	59.300	57.700	-3%	2,2%	-1%	PHTT	14/08/26	34,1	34,0	11,7	2,8
STB	Ngân hàng	19%	5.450	11,4	75.500	73.500	-3%	0,0%	-3%	PHTT	18/05/26	26,5	23,8	11,8	2,3
OIL	Dầu khí	6%	538	1,1	13.600	12.700	-7%	0,7%	-6%	KQ	17/10/25	33,2	30,0	13,0	1,3
VJC	Hàng không	24%	3.681	12,1	125.000	114.000	-9%	0,0%	-9%	KQ	15/03/24	34,8	14,0	19,1	3,7
LPB	Ngân hàng	4%	5.714	8,0	49.950	39.300	-21%	2,0%	-19%	KKQ	18/11/25	13,2	13,8	11,8	3,5
VIC	Bất động sản	45%	70.147	45,9	236.000	110.000	-53%	0,0%	-53%	BÁN	12/06/26	155,3	66,9	17,4	10,8

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	49	140.246	2.862	20	14,6	11,4	9,2	15,4	1,6	23,3	16,6	12,0	1,9	3,5%
KHẢ QUAN	18	13.356	742	2	10,6	11,4	9,7	13,5	1,9	17,8	14,6	12,8	1,9	2,7%
PHÙ HỢP TT	15	53.317	3.554	3	17,8	15,4	13,1	16,7	2,3	19,0	17,2	15,4	2,5	3,3%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.714	5.714	0	16,2	13,2	13,8	10,4	3,5	16,2	13,2	13,8	3,5	2,0%
BÁN	1	70.147	70.147	1	147,5	155,3	66,9	72,4	10,8	147,5	155,3	66,9	10,8	0,0%
TỔNG CỘNG	84	282.780	3.366	26	19,2	15,9	12,8	16,8	2,3	22,8	17,9	13,4	2,1	3,2%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	90.364	7.530	11	11,4	9,9	8,6	12,8	1,5	11,1	10,5	9,4	1,6	1,7%
Bảo hiểm	2	1.900	950	1	21,7	16,5	11,2	21,8	1,7	16,3	13,2	8,6	1,2	2,6%
Chứng khoán	1	2.454	2.454	1	17,1	12,5	13,7	15,1	1,6	17,1	12,5	13,7	1,6	4,7%
Tài chính thay thế	1	587	587	0	41,9	20,5	12,6	30,0	5,1	41,9	20,5	12,6	5,1	0,0%
Tiêu dùng	13	28.179	2.168	4	17,9	15,5	13,5	20,5	3,4	22,6	15,5	13,2	3,3	5,4%
CNTT	1	4.805	4.805	1	17,1	14,1	12,4	17,4	3,2	17,1	14,1	12,4	3,2	3,1%
Bất động sản	9	98.643	10.960	2	62,1	39,6	27,9	26,2	4,4	37,0	34,7	26,2	2,2	0,2%
Vật liệu	4	8.142	2.036	1	15,5	12,4	7,8	17,7	1,3	13,5	15,2	10,1	1,7	4,5%
Điện & Nước	12	5.957	496	1	20,3	13,1	11,2	17,9	1,2	25,6	15,3	13,8	1,3	3,3%
Dầu khí	10	18.298	1.830	2	25,3	18,6	10,5	21,1	1,9	34,9	27,7	12,7	1,5	3,5%
Công nghiệp	5	1.135	227	0	7,3	6,5	7,9	8,8	1,1	11,2	10,5	7,3	1,1	3,5%
Khu công nghiệp	7	8.071	1.153	1	22,8	16,6	13,7	19,1	1,9	22,2	13,9	13,2	1,8	4,7%
GTVT & Logistics	7	14.244	2.035	1	13,6	15,2	11,9	18,0	2,9	17,1	17,1	13,1	4,0	2,9%
TỔNG CỘNG	84	282.780	3.366	26	19,2	15,9	12,8	16,8	2,3	22,8	17,9	13,4	2,1	3,2%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q2 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	1%	14%	MUA		KQKD 6T 2026 khả quan, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi; mảng cho vay khách hàng cá nhân & SME và NIM cải thiện đáng kể
BID	15%	8%	KQ		NIM hồi phục trong quý 2 nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi
CTG	37%	17%	MUA		Quý 2 bứt phá nhờ NIM cải thiện mạnh, vượt kỳ vọng của chúng tôi
HDB	33%	17%	KQ		Tăng trưởng lợi nhuận mạnh nhờ đóng góp của các công ty con; chất lượng tài sản là điểm cần theo dõi
LPB	-3%	-4%	KKQ		KQKD kém hơn kỳ vọng do chi phí hoạt động và chi phí tín dụng tăng mạnh tiếp tục gây áp lực lớn lên đà tăng trưởng lợi nhuận trong quý 2
MBB	26%	20%	MUA		Mức tăng trưởng tín dụng mạnh và sự phục hồi của NIM hỗ trợ lợi nhuận tăng cao hơn kỳ vọng
STB	-50%	11%	PHTT		KQKD thấp hơn kỳ vọng do chất lượng tài sản suy giảm mạnh
TCB	15%	15%	MUA		KQKD của ngân hàng vượt kỳ vọng của chúng tôi, đặc biệt là về tăng trưởng tín dụng. Các chỉ tiêu chính khác bao gồm thu nhập từ phí, NIM và chất lượng tài sản đều có xu hướng tích cực.
TPB	5%	5%	MUA		Tăng trưởng tín dụng mạnh và đóng góp cao từ thu nhập ngoài lãi giúp hỗ trợ lợi nhuận; KQKD nhìn chung phù hợp với dự báo
VCB	37%	19%	MUA		Lợi nhuận cao hơn đáng kể so với kỳ vọng nhờ NIM cải thiện và thu nhập ngoài lãi tăng mạnh
VIB	7%	16%	KQ	KQ	NIM tiếp tục giảm; thu nhập ngoài lãi thúc đẩy lợi nhuận
VPB	66%	29%	MUA		KQKD tích cực được dẫn dắt bởi cả ngân hàng mẹ và mảng kinh doanh chứng khoán; bảng cân đối kế toán mở rộng mạnh mẽ
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	15%	68%	MUA		EPS tăng 15% YoY nhờ tăng trưởng phí bảo hiểm
BVH	36%	33%	MUA		Đà tăng trưởng mạnh của phí bảo hiểm phi nhân thọ và môi trường lãi suất thuận lợi giúp thúc đẩy lợi nhuận vượt kỳ vọng
SSI	28%	-7%	MUA		KQKD 6T 2026 ghi nhận đà tăng trưởng mạnh bất chấp thị trường biến động
F88	109%	62%	MUA		ROE đạt mức cao mới trong 6T 2026; kết quả kinh doanh phù hợp với kỳ vọng
Tiêu dùng					
CTR	21%	17%	KQ		KQKD quý 2 tiếp tục khả quan nhờ tăng trưởng từ mảng xây dựng và giải pháp điện năng lượng mặt trời
DGW	130%	17%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng mạnh 167% YoY nhờ doanh thu khả quan của mảng máy tính xách tay và thiết bị văn phòng, biên lợi nhuận gộp cải thiện
FPT	15%	14%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo; doanh thu kỳ mới mảng CNTT nước ngoài phục hồi từ mức nền thấp
FRT	119%	44%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng mạnh 188% YoY, nhờ lợi nhuận của Long Châu tăng trưởng tích cực
MSN (2)		42%	MUA		
MCH	12%	14%	PHTT		Doanh thu và lợi nhuận Q2 2026 phục hồi YoY từ nền thấp nhưng thấp hơn kỳ vọng

MWG	88%	18%	MUA		Doanh thu tăng 30% YoY trong Q2 2026, doanh thu/cửa hàng BHX cải thiện; LNST 6T gần gấp đôi YoY
PNJ	11%	11%	PHTT		Ghi nhận lỗ ròng 283 tỷ đồng trong quý 2/2026, chủ yếu do trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động mua lại
QNS	2%	33%	KQ		LNST Q2 2026 tăng 7% YoY, sữa thực vật tăng trưởng mạnh; giá đường thấp hạn chế lợi nhuận
SAB	18%	1%	MUA		Biên lợi nhuận gộp vẫn vững vàng nhưng chi phí A&P gây áp lực lên lợi nhuận quý 2
TLG	4%	20%	MUA		Tăng trưởng xuất khẩu tích cực hỗ trợ doanh thu 6 tháng đầu năm, KQKD nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
VEA	17%	-7%	PHTT		Lợi nhuận quý 2 tăng 5% YoY trong bối cảnh lợi nhuận từ các công ty liên kết đi ngang
VHC	9%	7%	MUA	KQ	Lợi nhuận quý 2 chịu áp lực do thu nhập tài chính ròng giảm và hoàn nhập dự phòng thu hẹp
VNM	38%	6%	MUA		LNST sơ bộ Q2 2026 tăng 28% YoY nhân kỷ niệm 50 năm
GTVT & Logistics					
ACV	11%	-3%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng 29% YoY nhờ lãi tỷ giá và thu nhập từ công ty liên kết dù doanh thu hàng không hạ nhiệt; nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
AST	52%	6%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T tăng 52% YoY nhờ hoạt động kinh doanh cốt lõi tích cực và đóng góp từ công ty liên kết; vượt mức kỳ vọng
GMD (2)	22%	31%	MUA	MUA	KQKD tốt hơn của cụm cảng phía Nam so với phía Bắc dự kiến sẽ thúc đẩy lợi nhuận cốt lõi năm 2026
HVN	-43%	19%	PHTT		Quý 2 ghi nhận lỗ do cú sốc chi phí nhiên liệu dù doanh thu tăng trưởng mạnh; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
SCS	1%	-6%	PHTT		Lợi nhuận cải thiện so với quý trước từ mức nền thấp, nhưng giảm nhẹ so với cùng kỳ; phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
VJC	4%	N.A	KQ		Gián đoạn tại Trung Đông và chi phí nhiên liệu ở mức cao ảnh hưởng đến lợi nhuận cốt lõi quý 2; giao dịch SALB & ROFR hỗ trợ doanh thu báo cáo
VTP	-40%	-16%	PHTT		Lợi nhuận tiếp tục suy yếu do mức giảm của biên lợi nhuận mảng dịch vụ và sự gia tăng của chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp
Bất động sản					
DXG	-30%	-5%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 giảm 30% YoY do biên lợi nhuận thu hẹp
DXS	-40%	-32%	KQ	PHTT	Hoạt động môi giới chậm lại và các khoản trích lập dự phòng khiến KQKD quý 2 thấp hơn kỳ vọng
HDC	41%	-51%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 được hỗ trợ bởi khoản thu nhập khác; đã nhận đủ số tiền từ việc chuyển nhượng dự án Đại Dương
NVL	N.M.	-23%	MUA		Lợi nhuận nửa đầu năm vượt dự báo cả năm 2026 nhờ khoản lãi thoái vốn trong quý 2
KDH	218%	52%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS nửa đầu năm 2026 tăng mạnh 221% YoY nhờ khoản lãi thoái vốn bất thường
NLG	-53%	-18%	MUA		Doanh số bán BĐS và lợi nhuận quý 2 thấp hơn dự kiến; dự báo đang được xem xét
VHM	372%	31%	PHTT		Giao dịch bán lô lớn thúc đẩy KQKD 6T 2026, với LNST sau lợi ích CĐTTS và doanh số bán BĐS hoàn thành lần lượt 88% và 52% dự báo cả năm
VIC	182%	132%	BÁN		Doanh thu mảng BĐS tăng trưởng mạnh và khoản lãi từ việc chuyển nhượng mảng sản xuất của VinFast giúp bù đắp khoản lỗ mảng công nghiệp cao hơn dự kiến trong quý 2/2026
VRE	33%	-14%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS nửa đầu năm 2026 tăng mạnh 33% YoY, phù hợp với kỳ vọng

Khu công nghiệp					
GVR	73%	15%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 73% YoY chủ yếu nhờ thu nhập thuần khác, vượt kỳ vọng của chúng tôi
IDC	37%	3%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 37% YoY nhờ lượng bàn giao đất KCN cao hơn; doanh số cho thuê đất KCN phục hồi đúng kỳ vọng
KBC	-80%	-5%	MUA	MUA	Lợi nhuận 6T 2026 giảm mạnh 80% YoY chủ yếu do lượng đất KCN bàn giao thấp và chi phí tài chính ở mức cao
PHR	245%	118%	MUA		Thu nhập từ bồi thường đất thúc đẩy lợi nhuận 6T 2026 tăng mạnh 245% YoY, phù hợp với kỳ vọng
SIP	18%	6%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 18% YoY, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
SZC	-84%	-59%	KQ		Lợi nhuận nửa đầu năm 2026 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ do thay đổi phương pháp ghi nhận doanh thu, trong khi doanh số cho thuê đất KCN phục hồi mạnh
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG (2)	27%	19%	MUA		Doanh thu tiếp tục vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước tích cực trong quý 2, lợi nhuận cốt lõi nhìn chung phù hợp với dự báo
BMP	9%	5%	MUA		Lợi nhuận thiết lập kỷ lục mới nhờ biên lợi nhuận rộng đạt mức cao nhất trong một thập kỷ, bù đắp cho mức sụt giảm mạnh về sản lượng; phù hợp với kỳ vọng
DGC	-52%	-33%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 giảm 52% YoY do sản lượng giảm YoY và áp lực chi phí; kế hoạch ĐHCĐ năm 2026 cho thấy rủi ro giảm dự báo
DHC	99%	3%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng hơn 2 lần YoY nhờ giá giấy tích cực và biên lợi nhuận mở rộng; KQKD 6 tháng đầu năm vượt đáng kể so với kỳ vọng
HPG (2)	49%	37%	MUA	MUA	Triển vọng lợi nhuận tích cực được duy trì cùng với mức định giá hấp dẫn
HSG (1)	5%	-5%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 3 tăng mạnh nhờ biên lợi nhuận cải thiện đáng kể; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo ngắn hạn nhưng triển vọng dài hạn không thay đổi
NKG	102%	480%	PHTT		Lợi nhuận quý 2/2026 tăng mạnh nhờ sản lượng phục hồi và biên lợi nhuận cải thiện; tuy nhiên, lợi nhuận 6T vẫn thấp hơn so với dự báo
PTB	17%	-19%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS nửa đầu năm tăng 17% YoY; tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo
STK	N.M.	231%	KQ		Sự phục hồi của sản lượng vẫn chưa đủ bù đắp gánh nặng khấu hao và chi phí lãi vay từ Unitex
Điện & Nước					
BWE (2)	8%	-12%	MUA	KQ	Lợi nhuận mảng nước tích cực trong nửa đầu năm bù đắp cho mức lợi nhuận giảm từ các mảng khác
GEX	-19%	1%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 giảm so với cùng kỳ do chi phí lãi vay cao dù lợi nhuận của GEE/VGC tăng mạnh; không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026
HDG	-27%	22%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo giảm YoY do các chi phí bất thường; dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm nhẹ
NT2	60%	-6%	MUA	MUA	Sản lượng điện thương phẩm tăng mạnh 57% YoY thúc đẩy tăng trưởng LNST; tiềm năng điều chỉnh tăng
PC1	72%	-34%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T giảm nhẹ YoY; tuy nhiên sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026
POW	350%	101%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T 2026 tăng gấp đôi YoY, hoàn thành 115% dự báo năm 2026 của chúng tôi; triển vọng 6T cuối năm tích cực, tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể

PPC	184%	99%	KQ		LNST báo cáo 6T 2026 tăng 2,8 lần YoY nhờ thu nhập cổ tức; lợi nhuận mảng phát điện vẫn thấp hơn kỳ vọng
QTP	44%	-35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 44% YoY nhờ chênh lệch giá mở rộng; vượt kỳ vọng
REE	9%	17%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng 9% YoY bất chấp El Nino
TDM (2)	-47%	18%	KQ	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 hoàn thành 64% dự báo cả năm, phù hợp kỳ vọng.
TV2	370%	46%	KQ		LNST 6T 2026 tăng gấp 3 lần YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng hỗ trợ doanh thu EPC, tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
DPG	12%	-4%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 hoàn thành 49% dự báo cả năm, nhìn chung phù hợp kỳ vọng
VGC	3%	12%	MUA		LNST quý 2 tăng trưởng nhờ diện tích bán giao KCN tăng gấp đôi so với cùng kỳ và đã phục hồi đúng tiến độ của mảng VLXD, phù hợp với kỳ vọng
Dầu khí					
BSR	1194%	289%	PHTT	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo 6T 2026 tăng 13 lần YoY nhờ biên lợi nhuận vượt trội; cao hơn kỳ vọng
DCM (2)	55%	61%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 +36% YoY, +36% QoQ nhưng có rủi ro điều chỉnh giảm dự báo LNST 2026
DPM	117%	82%	PHTT		LNST quý 2 tăng 2,3 lần YoY; tuy nhiên, dự báo LNST năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm
GAS	17%	10%	MUA		LNST cốt lõi quý 2 tăng 59% YoY, tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ với dự báo cốt lõi
OIL (2)	95%	39%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo 6T 2026 tăng 84% YoY dù ghi nhận lỗ trong quý 2, kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
PLX (2)	39%	19%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T tăng 36% YoY nhờ hoàn nhập dự phòng và sản lượng bán tăng; kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
PLC	186%	834%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng gần gấp 3 lần YoY nhờ biên lợi nhuận mở rộng; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
PVD (2)	70%	30%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T 2026 tăng 66% YoY, trong khi quý 2 giảm 11% YoY; thấp hơn dự báo
PVS (2)	-32%	6%	MUA	MUA	LNST 6T 2026 tăng 37% YoY; LNST cốt lõi nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
PVT (2)	64%	58%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T 2026 tăng 64% YoY nhờ giá cước tàu chở dầu tăng và đội tàu mở rộng; cao hơn nhẹ so với kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 + quý 3 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.832,12	0,56
VN 30	1.982,96	3,73
VN Mid	1.975,19	-0,54
VNSmall	1.263,39	0,02

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	284,77	2,13
HNX30	465,88	0,10
VNX Allshare	2.927,75	4,70

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	127,50	0,34

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	1.942,6	11,2%
Khối ngoại mua	2.161,5	12,4%
Khối ngoại bán	1.840,4	10,6%
Tổng giao dịch	17.410,9	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	258,0	22,3%
Khối ngoại mua	40,6	3,5%
Khối ngoại bán	36,3	3,1%
Tổng giao dịch	1.158,2	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	29,2	9,0%
Khối ngoại mua	20,8	6,5%
Khối ngoại bán	1,6	0,5%
Tổng giao dịch	322,6	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SSB	1.100	6,9%
TNT	600	6,1%
SJS	3.100	5,8%
STB	2.000	2,7%
CRE	180	2,7%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
BVS	2.500	9,3%
TIG	300	5,2%
SLS	6.400	4,5%
THD	4.200	3,1%
NVB	300	2,5%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TLP	1.361	14,2%
POM	265	8,6%
F88	2.397	3,8%
MSR	1.571	3,5%
SCL	789	2,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VNG	-420	-6,2%
TCH	-350	-2,6%
DGW	-900	-2,1%
TCB	-700	-2,1%
PDR	-250	-2,0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VIT	-2.000	-8,5%
CEO	-400	-3,0%
L14	-600	-2,9%
NDN	-200	-2,3%
C69	-300	-1,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PCB	-215	-2,3%
DHD	-608	-2,2%
HBC	-71	-1,8%
BGE	-45	-1,6%
MVN	-1.005	-1,4%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1,5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VIC	2.045,0
FPT	1.004,4
SHB	990,5
TCB	958,0
VPB	850,2

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	228,7
HUT	224,8
PVS	127,6
BVS	94,3
CEO	86,8

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	96,5
VGI	41,3
F88	22,3
ACV	20,6
POM	18,9

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VNG	2.369.510	236.538
DHM	291.311	94.692
PHR	1.149.653	387.866
DGC	1.417.800	545.591
OCB	11.946.008	4.609.492
FUESSVFL	525.930	208.561
OGC	525.589	209.392
TLD	260.803	106.137
STB	9.650.124	4.099.965
EIB	19.814.323	9.038.499

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
GKM	283.146	59.667
BVS	3.308.236	737.458
HDA	331.000	89.798
TIG	2.632.437	764.253
LDP	143.378	51.718
DVM	155.193	59.985
PPT	339.800	206.760
LAS	211.903	163.738
VC3	1.469.901	1.156.583
EVS	320.127	253.001

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
TCD	4.357.257	144.818
POM	5.617.580	549.505
BGE	557.410	76.007
DFF	200.356	57.158
PVX	633.944	328.960
FOX	117.853	64.574
VHG	189.301	118.439
QNS	225.825	157.736
ACM	140.610	102.096
F88	299.750	220.150

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.585		17,4	2,0	13,5%
TCX	4.335	91,0%	18,2	2,5	13,7%
VCK	2.839	96,5%	15,9	2,4	17,2%
SSI	2.454	69,8%	12,2	1,6	13,4%
VPX	1.885	95,9%	9,1	1,4	16,2%
LPS	1.413	100,0%	31,4	2,1	7,0%

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	583		11,1	1,4	13,0%
BVH	1.819	21,8%	14,3	1,8	13,2%
PVI	651	43,1%	12,8	1,9	15,2%
BIC	168	7,6%	10,2	1,3	13,1%
VNR	147	22,8%	8,3	0,9	11,3%
MIG	130	82,7%	10,1	1,2	12,4%

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.740		17,3	3,3	23,2%
ACV	5.797	47,3%	13,6	2,0	15,8%
MVN	3.195	0,0%	30,3	5,4	19,0%
VEA	1.792	47,6%	6,1	2,0	28,1%
GEE	1.589	49,1%	11,7	5,2	45,6%
GEX	1.325	43,6%	25,2	1,8	7,5%

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.827		14,6	4,2	27,4%
MCH	7.159	84,4%	26,3	10,0	40,1%
VNM	4.986	50,2%	11,9	4,1	33,9%
MSN	3.926	75,9%	15,2	2,6	19,4%
SAB	2.240	41,2%	12,3	3,0	22,3%
PNJ	825	3,7%	7,4	1,6	21,6%

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.772		14,0	1,4	13,8%
BSR	5.100	47,9%	6,8	1,8	30,5%
PLX	1.764	5,9%	14,3	1,8	12,5%
PVS	776	33,2%	9,6	1,3	14,0%
PVD	680	41,3%	16,0	1,0	6,5%
OIL	538	6,4%	23,1	1,3	5,7%

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.450		11,3	2,1	19,5%
GAS	7.780	47,0%	16,0	3,0	18,9%
POW	1.539	45,7%	6,2	1,0	16,5%
REE	1.087	0,0%	10,8	1,3	12,6%
PGV	1.018	50,0%	5,4	1,4	28,3%
DNH	825	0,0%	18,3	3,9	21,3%

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	20.030		91,1	5,7	28,6%
VIC	70.147	44,9%	80,8	10,8	14,8%
VHM	22.963	43,2%	7,5	2,3	32,7%
KSF	2.705	50,0%	4,6	3,3	77,4%
VRE	2.271	37,9%	8,2	1,2	15,0%
THD	2.067	48,9%	354,5	10,7	3,3%

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.443		8,6	1,5	18,3%
VCB	19.229	10,0%	12,1	2,0	17,9%
BID	10.976	12,5%	8,7	1,5	18,2%
CTG	9.502	5,3%	6,2	1,3	21,9%
TCB	9.063	1,8%	8,7	1,3	15,7%
VPB	8.446	7,2%	7,4	1,2	17,7%

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.972		26,4	4,6	20,8%
VPL	5.329	42,7%	46,7	3,1	7,7%
MWG	4.238	0,0%	11,3	3,1	29,2%
DMX	3.879	39,8%	15,4	5,7	0,0%
VJC	3.681	24,0%	44,2	3,7	8,6%
HVN	2.734	21,5%	14,6	7,5	58,8%

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.205		12,7	2,7	27,0%
HPG	7.145	27,3%	8,0	1,3	17,4%
GVR	4.955	-0,6%	18,2	2,1	12,2%
MSR	1.966	99,5%	21,0	3,6	19,0%
KSV	1.333	0,0%	9,9	5,3	62,9%
DCM	625	44,3%	6,3	1,4	23,6%

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	250		36,0	2,9	15,7%
DHG	479	46,0%	13,0	3,7	24,1%
IMP	235	5,4%	17,0	2,6	15,6%
DHT	196	9,3%	127,7	4,7	3,7%
DBD	175	83,4%	15,7	2,6	16,6%
DVN	165	-0,0%	6,5	1,2	18,4%

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.047		21,0	1,5	10,7%
FPT	4.805	21,5%	12,5	3,2	26,5%
CMG	218	13,6%	14,4	1,7	12,3%
SAM	94	48,5%	21,7	0,6	2,8%
ELC	62	45,9%	12,2	1,2	10,5%
SGT	55	-5,5%	44,3	0,7	1,5%

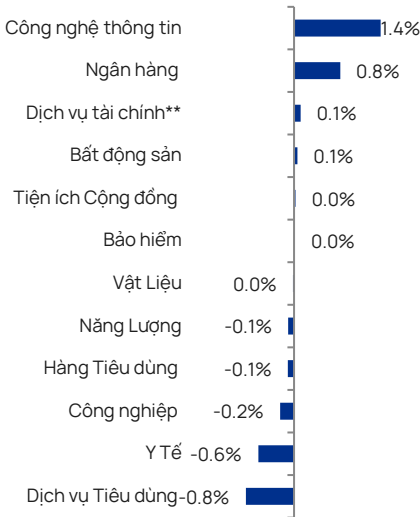
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

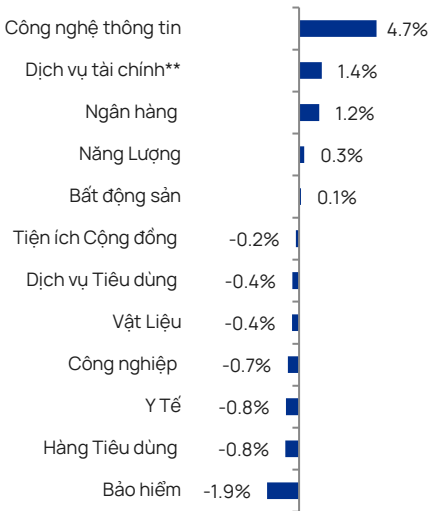
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

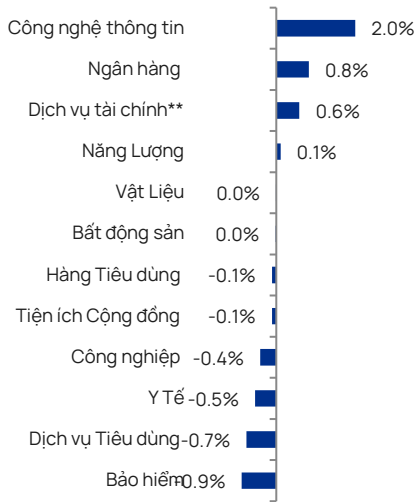
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



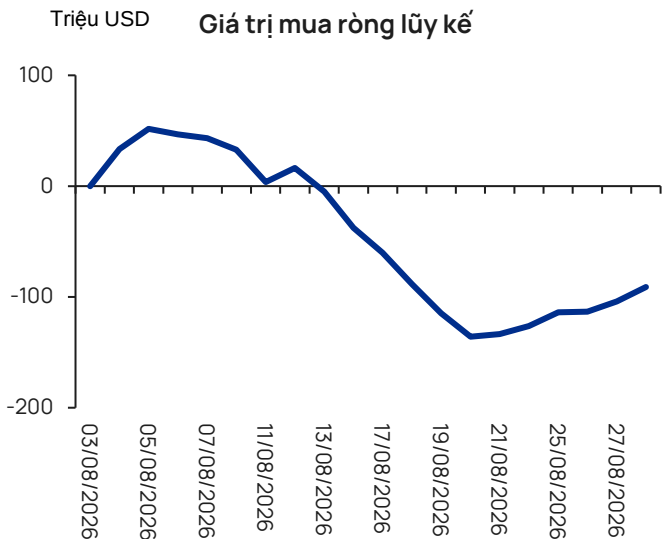
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



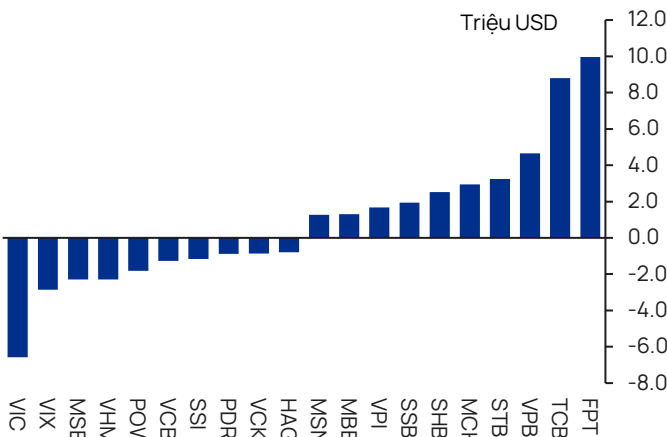
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

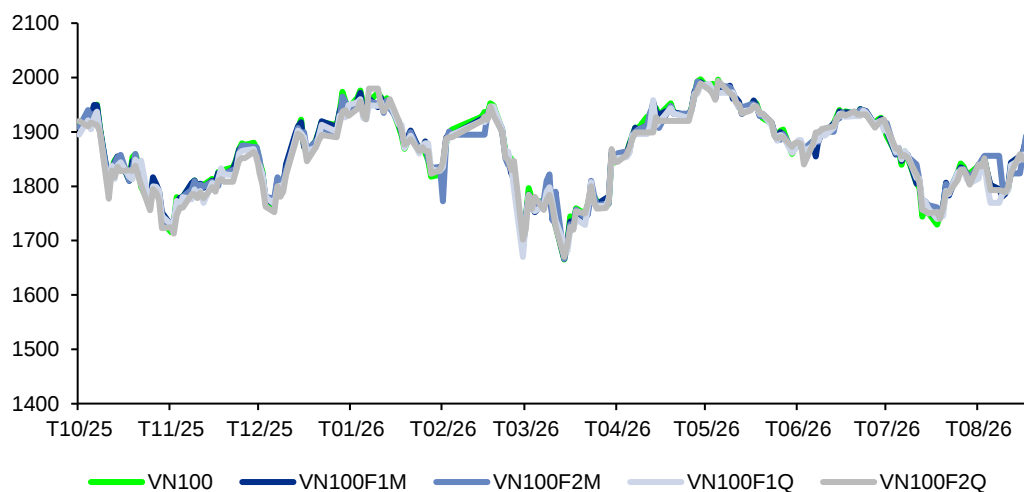
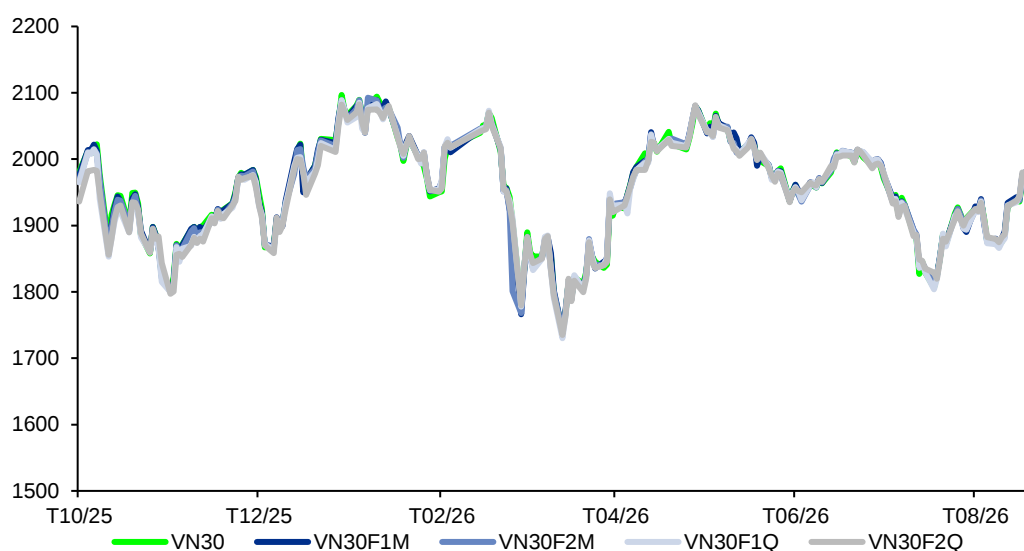


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.981,5	0,7	0,0%	-1,5
VN30F2M	1.979,0	1,0	0,1%	-4,0
VN30F1Q	1.984,9	8,8	0,4%	1,9
VN30F2Q	1.980,6	1,6	0,1%	-2,4
VN100F1M	1.891,1	10,9	0,6%	-0,3
VN100F2M	1.880,0	0,0	0,0%	-11,4
VN100F1Q	1.882,5	33,5	1,8%	-8,9
VN100F2Q	1.877,0	-12,7	-0,7%	-14,4

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	29.019	-0,3%	204,02	3,1%
VN30F2M	321	-23,4%	0,32	-13,9%
VN30F1Q	55	-89,7%	0,06	-12,7%
VN30F2Q	22	-89,4%	0,02	-80,0%
VN100F1M	35	-12,5%	0,04	-56,8%
VN100F2M	0	-100,0%	0,00	-100,0%
VN100F1Q	10	-67,7%	0,01	0,0%
VN100F2Q	5	-66,7%	0,01	150,0%

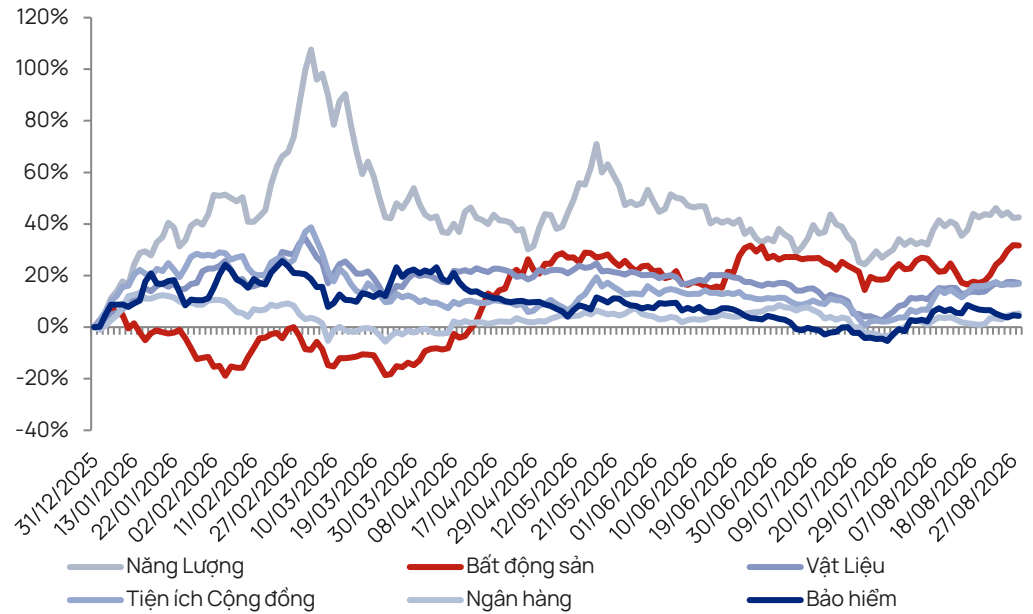


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

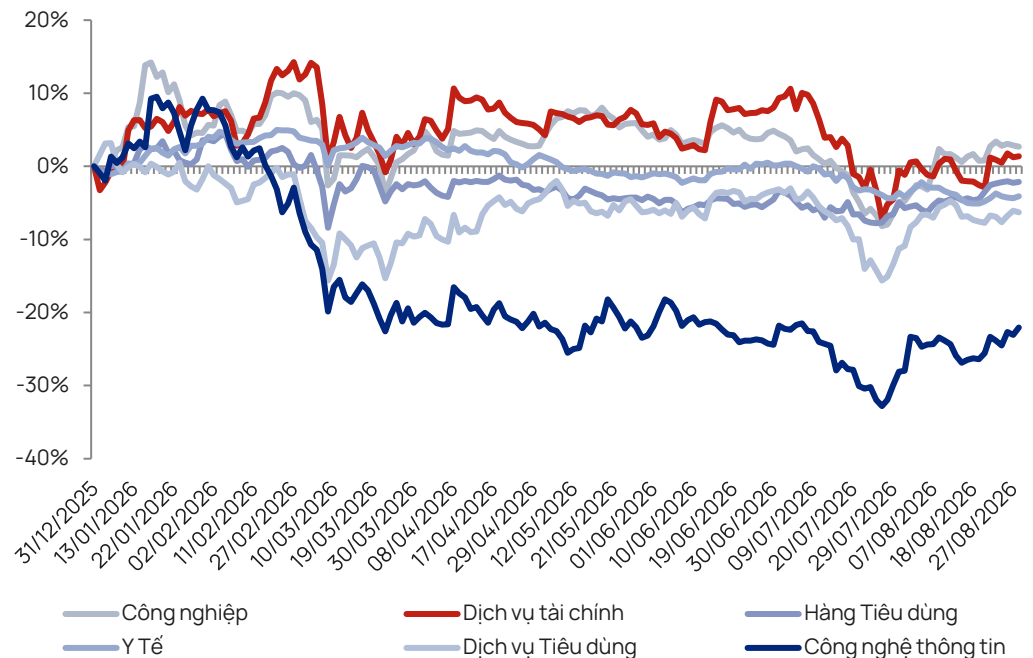
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



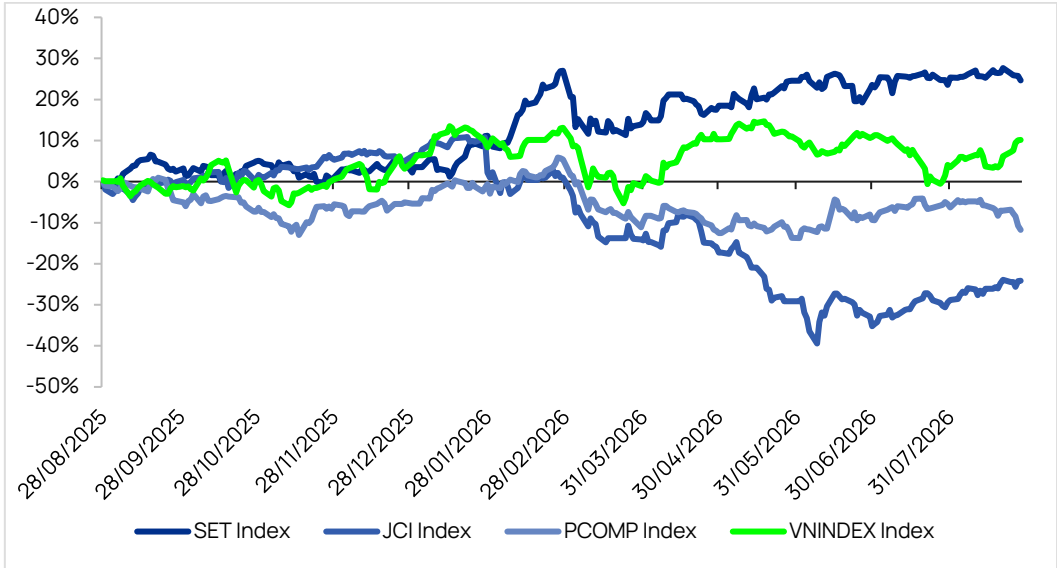
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



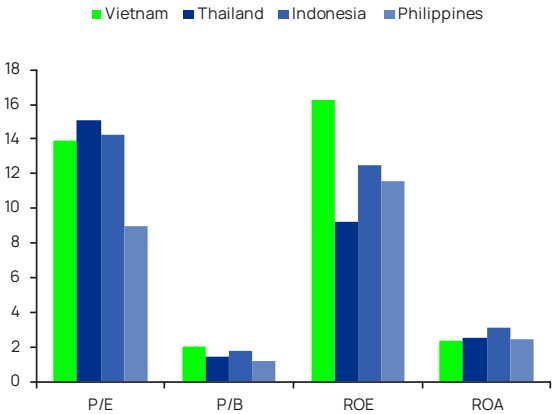
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	15,1	14,2	9,0	13,9
P/B	1,5	1,8	1,2	2,0
ROE (%)	9,2	12,5	11,6	16,2
ROA (%)	2,5	3,1	2,5	2,4
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	612,7	623,8	142,7	335,6
GTGD trung bình, tr USD	1.679,3	1.146,2	79,4	852,9
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	1.647,2	-4.039,9	-401,4	-3.463,1
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(329,6)	43,0	(115,3)	24,9
Lợi suất TPCP 5 năm	1,61%	6,84%	6,89%	4,30%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Nghân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,

Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364

- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Bùi Nguyên Cẩm Giang

Trưởng phòng cao cấp, ext 125

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584

- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532

- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135

- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

- Nguyễn Thị Thùy Dương, Chuyên viên, ext 132

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191

- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129

- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366

- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570

- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le

Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.